

ĐẢNG ỦY PHƯỜNG NGUYỄN TRÃI
BAN XÂY DỰNG ĐẢNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Phường Nguyễn Trãi, ngày 16 tháng 9 năm 2026

Số 145 -CV/BXDD

V/v quán triệt, tuyên truyền Kết luận
số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026; Chương trình
hành động số 35-CTr/TU, ngày 31/8/2026 của
Ban Thường vụ Thành ủy

Kính gửi: - UBND phường,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy phường,
- Các đồng chí báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác
viên dư luận xã hội phường.

Thực hiện Hướng dẫn số 40-HD/BTGDVTU, ngày 14/9/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy về việc quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới (Kết luận số 75-KL/TW); Chương trình hành động số 35-CTr/TU, ngày 31/8/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy (Chương trình hành động số 35-CTr/TU).

Ban Xây dựng Đảng đề nghị các cơ quan, đơn vị, các chi, đảng bộ, các đồng chí báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội phường tập trung tuyên truyền, nội dung như sau:

I. NỘI DUNG QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN

1. Mục đích, ý nghĩa của Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình hành động số 35-CTr/TU

Quán triệt, tuyên truyền về bối cảnh ban hành, ý nghĩa và tầm quan trọng của Kết luận số 75-KL/TW trong việc tiếp tục cụ thể hóa chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khẳng định bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là yêu cầu khách quan, nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, là nền tảng quan trọng để phát triển nhanh và bền vững đất nước và thành phố Hải Phòng trong giai đoạn mới.

Quán triệt, tuyên truyền Chương trình hành động số 35-CTr/TU của Ban Thường vụ Thành ủy nhằm cụ thể hóa Kết luận số 75-KL/TW phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố; làm rõ quyết tâm chính trị của Đảng bộ thành phố trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình hành động số 35-CTr/TU

Quán triệt, tuyên truyền đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030; nhấn mạnh quan điểm phát

triển bền vững trên cơ sở hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Đồng thời, quán triệt, tuyên truyền 05 nhóm mục tiêu cụ thể và 17 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 của thành phố Hải Phòng theo Chương trình hành động số 35-CTr/TU, tạo sự đồng thuận, quyết tâm thực hiện trong toàn hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Tập trung quán triệt, tuyên truyền các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình hành động số 35-CTr/TU đã bám sát Kết luận số 75-KL/TW và cụ thể hóa vào điều kiện thành phố; trọng tâm là: rà soát, kiến nghị hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; bảo đảm chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường trung bình tối thiểu 2% giai đoạn 2026 - 2030 và huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, quốc tế, tài chính xanh; xử lý các vấn đề bức xúc trên địa bàn, nhất là ô nhiễm không khí khu vực đô thị, ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ, ô nhiễm tại khu vực khai thác khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất và các khu tập kết, xử lý chất thải; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phát triển bền vững các-bon xanh; phát triển hạ tầng chống chịu, giải quyết ngập úng, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, di dời dân cư khỏi vùng rủi ro cao gắn với sinh kế bền vững, phù hợp đặc điểm ven biển, hải đảo, vùng trũng thấp; chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, quản lý phát thải khí nhà kính; chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia, nâng cao năng lực cán bộ quản lý môi trường, nhất là cấp xã; đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

4. Trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân

Quán triệt, tuyên truyền làm rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và mỗi người dân trong thực hiện Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình hành động số 35-CTr/TU; vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực tham gia các phong trào, cuộc vận động về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, xây dựng lối sống xanh, tiêu dùng bền vững; biểu dương, nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả, gương người tốt, việc tốt trong bảo vệ môi trường.

5. Kết quả, tiến độ triển khai thực hiện

Tuyên truyền kịp thời kết quả triển khai thực hiện Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình hành động số 35-CTr/TU; phản ánh những mô hình mới, cách làm sáng tạo, kinh nghiệm hay, hiệu quả của các địa phương, cơ quan, đơn vị; đồng thời thông tin khách quan về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tạo sự đồng thuận xã hội.

6. Định hướng thông tin, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Chủ động, kịp thời cung cấp thông tin chính thống, chính xác về các vấn đề môi trường, sự cố môi trường, thiên tai, các dự án có nguy cơ tác động đến môi trường trên địa bàn; thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; không để hình thành “điểm nóng” về thông tin, dư luận.

Nắm chắc tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền giải quyết vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở. Chủ động phát hiện, đấu tranh, phản bác thông tin sai sự thật, xuyên tạc, các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai để kích động, chống phá.

II. HÌNH THỨC QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN

- Nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 35-CTr/TU trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Tăng cường tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử, trang, nhóm mạng xã hội của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông số như infographic, video clip, podcast, tư liệu số.

- Phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở, tuyên truyền cổ động trực quan; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lồng ghép trong giáo dục, đào tạo, các phong trào thi đua, cuộc vận động ở cơ sở, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Tổ chức các đợt cao điểm tuyên truyền gắn với các sự kiện: Ngày Đất ngập nước thế giới (02/02), Ngày Nước thế giới (22/3), Ngày Khí tượng thế giới (23/3), Chiến dịch Giờ Trái đất, Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học và Ngày truyền thống phòng, chống thiên tai của Việt Nam (22/5), Ngày Môi trường thế giới (05/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới (08/6), Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Ngày Quốc tế giảm nhẹ rủi ro thiên tai (13/10) và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, thành phố.

(Gửi kèm Đề cương tuyên truyền)

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy (để b/c);
- TT Đảng ủy, BTV Đảng ủy phường (để b/c);
- Như trên;
- Lưu BXDD.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



BAN
XÂY DỰNG ĐẢNG

Nguyễn Huy Sơn

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và Chương trình hành động số 35-CTr/TU, ngày 31/8/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy

I- SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾT LUẬN SỐ 75-KL/TW

1. Những kết quả quan trọng đã đạt được

Sau hơn 13 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, công tác này đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện:

- Chính sách, pháp luật tiếp tục được hoàn thiện; tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn tinh gọn hơn.
- Ứng phó với biến đổi khí hậu dần chuyển từ bị động sang chủ động; công tác quy hoạch, quản lý, khai thác tài nguyên từng bước hiệu quả, bền vững hơn.
- Bảo vệ môi trường dần trở thành nội dung trọng tâm trong chính sách phát triển; một số vấn đề bức xúc về môi trường được quan tâm xử lý.
- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học tiếp tục được đẩy mạnh; nhiều mô hình chuyển đổi theo hướng xanh, tuần hoàn được triển khai; đã hình thành thị trường tín chỉ các-bon.
- Hợp tác và hội nhập quốc tế về môi trường, khí hậu có nhiều điểm sáng, góp phần nâng cao vai trò, uy tín của Việt Nam.

2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu tiếp tục là thách thức lớn:

- Ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp; chất lượng không khí tại các đô thị lớn chậm được cải thiện; ô nhiễm tại các cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực khai thác, chế biến khoáng sản, một số lưu vực sông, vùng ven biển chưa được kiểm soát hiệu quả.
- Suy thoái, thu hẹp hệ sinh thái, suy giảm đa dạng sinh học vẫn tiếp diễn; hệ thống dữ liệu môi trường còn phân tán, thiếu đồng bộ; một số vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường gây bức xúc trong dư luận.
- Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu; xử lý ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn còn bị động, thiếu giải pháp căn cơ; kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính chưa được triển khai thống nhất, đồng bộ.

Nguyên nhân chủ yếu là chủ quan: nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu và ý thức của một bộ phận người dân, doanh nghiệp chưa đầy đủ; việc thể chế hóa còn chậm; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu; quản lý còn phân tán theo địa giới hành chính, thiếu liên kết vùng,

liên ngành; phương thức quản lý môi trường chậm đổi mới, còn nặng về tiền kiểm; nguồn lực còn hạn chế, chưa huy động hiệu quả nguồn lực ngoài nhà nước; hạ tầng xử lý chất thải, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ.

3. Yêu cầu đặt ra trong thời kỳ mới

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, tác động sâu rộng, đồng thời trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV thống nhất khẳng định những quan điểm, mục tiêu cơ bản của Nghị quyết số 24-NQ/TW còn nguyên giá trị; đồng thời điều chỉnh, bổ sung một số quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới. Trên cơ sở đó, ngày 28/7/2026, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Kết luận số 75-KL/TW.

II- NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA KẾT LUẬN SỐ 75-KL/TW

1. Năm nhóm quan điểm chỉ đạo

(1) Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phải được đặt trong tổng thể tư duy, tầm nhìn mới, ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển, là điều kiện, nền tảng cho chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, sức cạnh tranh, là một trong những động lực phát triển kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm nguồn lực tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, tốc độ tăng trưởng và quy mô nền kinh tế.

(2) Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, vai trò kiến tạo của Nhà nước, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và mỗi người dân. Đặt con người và chất lượng cuộc sống của Nhân dân ở trung tâm của mọi quyết định phát triển; lấy việc bảo đảm môi trường sống an toàn, trong lành, bảo vệ sức khỏe, tính mạng, sinh kế của mọi người dân làm mục tiêu cao nhất.

(3) Quy hoạch, định hướng phát triển trong giới hạn sinh thái, phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường. Chuyển từ tư duy “đổi phó thụ động” sang tư duy “ứng phó chủ động”, từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và theo mức độ rủi ro, từ quản lý phân tán theo ngành, địa giới hành chính sang quản trị tổng hợp, liên ngành, liên vùng.

(4) Chủ động phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ, cảnh báo từ sớm, từ xa nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; tập trung khắc phục, xử lý các vấn đề bức xúc về môi trường. Bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên. Đẩy nhanh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và chủ động phòng, chống thiên tai.

(5) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là những yếu tố quan trọng, động lực chủ yếu. Chủ động, tích cực và tham gia có trách nhiệm các cơ chế hợp tác quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

Năng lực quản trị môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai được nâng cao, bảo vệ tốt hơn tính mạng, sức khỏe, tài sản, sinh kế của Nhân dân. Các khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được tập trung xử lý, phục hồi; chất lượng môi trường sống của Nhân dân được cải thiện; suy giảm đa dạng sinh học được ngăn chặn, hướng tới cân bằng sinh thái. Các nguồn thải lớn được kiểm soát chặt chẽ; thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp gắn với đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm an ninh môi trường và sự phát triển bền vững đất nước.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam có môi trường sống trong lành, hài hòa với thiên nhiên, phát triển bền vững; hệ thống quản trị môi trường hiện đại; thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp trở thành phương thức phát triển quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Việt Nam là quốc gia có trách nhiệm, vị thế và uy tín cao trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

3. Chín nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

(1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và Nhân dân: các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, cơ quan báo chí, truyền thông và Nhân dân trong xây dựng, phản biện, góp ý hoàn thiện chủ trương, chính sách và giám sát thi hành pháp luật; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, lan tỏa lối sống xanh, tiêu dùng xanh, xây dựng văn hóa môi trường.

(2) Hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát: khẩn trương hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; kết hợp tiền kiểm với tăng cường hậu kiểm dựa trên mức độ tuân thủ; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì; bổ sung, hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm bảo đảm đủ sức răn đe.

(3) Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực: bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; phát huy vai trò dẫn dắt của ngân sách nhà nước, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, nguồn vốn quốc tế, các quỹ khí hậu toàn cầu, tài chính xanh, đầu tư xanh; ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học, công nghệ cho hoạt động bảo vệ môi trường.

(4) Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống: xử lý có trọng tâm, trọng điểm ô nhiễm không khí tại các đô thị đặc biệt, ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ, ô nhiễm tại làng nghề, cụm công nghiệp, khu vực khai

thác, chế biến khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật; thúc đẩy phân loại chất thải phục vụ tái sử dụng, tái chế, giảm mạnh tỷ lệ chôn lấp trực tiếp; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm.

(5) Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên: quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn, mở rộng và nâng cao hiệu quả quản lý di sản thiên nhiên; thực hiện các giải pháp dựa vào tự nhiên, phát triển các bể hấp thụ các-bon xanh; phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, kinh tế dưới tán rừng; hiện đại hóa quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên gắn với chuyển đổi số.

(6) Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai: xây dựng các kịch bản biến đổi khí hậu dài hạn; đầu tư hạ tầng có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán, nước biển dâng; phát triển đô thị chống chịu, xử lý ngập úng do mưa lớn cực đoan, triều cường; nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai; di dân khỏi vùng rủi ro cao gắn với bảo đảm sinh kế bền vững.

(7) Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính: chuyển đổi các ngành kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp; ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thúc đẩy công nghiệp xanh, đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh; kiểm soát chặt chẽ phát thải khí nhà kính, hoàn thiện hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định theo tiêu chuẩn quốc tế; quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon; thực hiện đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ sinh kế trong quá trình chuyển đổi xanh.

(8) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo, công nghệ sạch, tái chế, xử lý chất thải, thu hồi và lưu giữ các-bon; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về môi trường và biến đổi khí hậu thống nhất, đồng bộ, liên thông; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám; tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường, nhất là cấp xã.

(9) Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế: chủ động tham gia định hình các sáng kiến, thỏa thuận, cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu về môi trường, khí hậu; tăng cường ngoại giao môi trường, ngoại giao khí hậu; huy động, tiếp cận, chuyển giao công nghệ xanh, tiên tiến; nâng cao năng lực ứng phó với các tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật thương mại quốc tế; hợp tác giải quyết các vấn đề môi trường xuyên biên giới, bảo đảm an ninh môi trường, an ninh khí hậu, an ninh năng lượng.

III- CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 35-CTr/TU CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY

Trên cơ sở Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 208/NQ-CP, ngày 04/8/2026 của Chính phủ, ngày 31/8/2026 Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Chương trình hành động số 35-CTr/TU thực hiện Kết luận số 75-KL/TW trên địa bàn thành phố.

Chương trình gồm 04 phần, kèm theo Phụ lục I (các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 của thành phố) và Phụ lục II (31 nhiệm vụ trọng tâm).

1. Mục đích, yêu cầu

- Quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 75-KL/TW; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân thành phố.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của thành phố; gắn yêu cầu bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất và sức cạnh tranh của thành phố.

- Thực hiện nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và rõ thẩm quyền; mỗi nhiệm vụ chỉ giao một cơ quan chủ trì, người đứng đầu cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện.

- Kế thừa, lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đang triển khai; không trùng lặp, chồng chéo; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá bằng kết quả, sản phẩm và các chỉ tiêu cụ thể.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và quản trị môi trường của thành phố; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và xử lý ô nhiễm, suy thoái môi trường; cải thiện chất lượng môi trường sống, bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản và sinh kế của Nhân dân; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phục hồi các hệ sinh thái. Gắn chặt bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, chuyển đổi năng lượng. Phân đấu xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố phát triển nhanh, bền vững, có hệ thống quản trị môi trường hiện đại, môi trường sống an toàn, trong lành, hài hòa với thiên nhiên.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

- *Mục tiêu cụ thể* gồm 05 nhóm: Quản trị và bảo vệ môi trường, kiểm soát nguồn thải, xử lý các vấn đề bức xúc; thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng khả năng chống chịu; chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên đất, nước, rừng, biển và ven biển; tăng cường nguồn lực, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nhân lực.

- *Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 tại thành phố Hải Phòng*

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo Kết luận số 75-KL/TW	Mục tiêu thực hiện tại thành phố Hải Phòng
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Tối thiểu 2%	Trung bình tối thiểu 2% giai đoạn 2026 - 2030
2	Tỷ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục	100%	100%
3	Tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	100%
4	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	70%	70%
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	95%	100%
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	85%	100%
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	< 30%	< 30%
8	Tỷ lệ che phủ rừng	42%	6,5%
9	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	6%	Thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu và điều chỉnh ranh giới Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ
10	Tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	100%
11	Tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%	100%
12	Tỷ trọng kinh tế xanh trên GDP	10%	10%
13	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái	10%	10%
14	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	26,1%	26,5%
15	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm	1 - 1,5%	1,5%
16	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận	1.200 (cả nước)	50

17	Giảm phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường	9%	9%
----	---	----	----

3. Nhiệm vụ, giải pháp của thành phố

Chương trình xác định 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp bám sát Kết luận số 75-KL/TW, cụ thể hóa vào điều kiện thành phố:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và Nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, lan tỏa lối sống xanh, tiêu dùng xanh, xây dựng văn hóa môi trường; phát hiện, khuyến khích, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Rà soát, kiến nghị hoàn thiện thể chế, pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu; phân định rõ trách nhiệm của thành phố với các xã, phường, đặc khu và từng cơ quan trong kiểm soát nguồn thải; nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; tăng cường hướng dẫn, đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp.

- Bảo đảm tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trung bình tối thiểu 2% giai đoạn 2026 - 2030; huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, nguồn vốn quốc tế, các quỹ khí hậu toàn cầu, tài chính xanh, đầu tư xanh; tập trung đầu tư hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đa mục tiêu, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo.

- Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường trên địa bàn, nhất là ô nhiễm không khí tại khu vực đô thị; ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ, đoạn sông; ô nhiễm tại các làng nghề, cụm công nghiệp, khu vực khai thác, chế biến khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các khu tập kết, xử lý chất thải; thúc đẩy phân loại chất thải, giảm mạnh tỷ lệ chôn lấp trực tiếp; hình thành các khu, cơ sở liên hợp tái chế, xử lý chất thải phù hợp quy hoạch.

- Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; mở rộng, nâng cao hiệu quả quản lý di sản thiên nhiên; phát triển các bể hấp thụ các-bon xanh; phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, kinh tế dưới tán rừng, hạ tầng xanh tại đô thị, khu dân cư; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; hiện đại hóa quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên đất, nước, khoáng sản và tài nguyên biển.

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai: rà soát, cập nhật chiến lược, kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; phát triển hạ tầng có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán, nước biển dâng; tập trung giải quyết ngập úng do mưa lớn cực đoan, triều cường; triển khai giải pháp thích ứng đặc thù phù hợp đặc điểm ven biển, hải đảo, vùng trũng thấp; rà soát, sắp xếp khu dân cư, di dời khỏi vùng rủi ro cao gắn với bảo đảm sinh kế bền vững.

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; thúc đẩy mô hình công nghiệp xanh, đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh, khu vực đô thị phát thải thấp; ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ, quản lý phát thải khí nhà kính và hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon theo quy định.

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng, quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu của thành phố bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường, nhất là cấp xã.

- Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế: chủ động tham gia các hoạt động hợp tác, sáng kiến, thỏa thuận, cơ chế hợp tác khu vực, toàn cầu về môi trường và khí hậu phù hợp chức năng, nhiệm vụ; huy động, tiếp cận, chuyển giao công nghệ xanh, tiên tiến; hỗ trợ cơ quan, doanh nghiệp cập nhật, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật thương mại quốc tế.

4. Tổ chức thực hiện

Chương trình phân công trách nhiệm cụ thể cho Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đảng ủy trực thuộc Thành ủy, đảng ủy các xã, phường, đặc khu và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy; đồng thời cụ thể hóa 31 nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục II, mỗi nhiệm vụ đều xác định rõ cơ quan chỉ đạo, cơ quan chủ trì thực hiện, cơ quan phối hợp, yêu cầu/sản phẩm, thời gian hoàn thành và nguồn lực thực hiện.

IV- NHỮNG ĐIỂM MỚI CẦN NHẤN MẠNH

1. Những điểm mới trong tư duy, cách tiếp cận

- Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được xác định ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển, là nền tảng, động lực và cơ hội để đổi mới mô hình phát triển, chứ không chỉ là nhiệm vụ đi kèm tăng trưởng.

- Chuyển từ tư duy “đôi phó thụ động” sang “ứng phó chủ động”; từ xử lý hậu quả sang chủ động phòng ngừa, cảnh báo từ sớm, từ xa.

- Chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và theo mức độ rủi ro; từ quản lý phân tán theo ngành, địa giới hành chính sang quản trị tổng hợp, liên ngành, liên vùng.

- Bảo đảm nguồn lực tương xứng: bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, đồng thời phát huy vai trò dẫn dắt của ngân sách để huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội, tài chính xanh và nguồn lực quốc tế.

- Lượng hóa mục tiêu bằng hệ thống chỉ tiêu cụ thể, là căn cứ để xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả thực hiện; kết quả thực hiện mục tiêu môi trường, khí hậu là tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

- Thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì; nguyên tắc “6 rõ” và giao 31 nhiệm vụ trọng tâm có địa chỉ, có sản phẩm, có thời hạn cụ thể.

2. Thông điệp xuyên suốt

- Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần.
- Không tiếp tục cách làm “ô nhiễm đến đâu, xử lý đến đó”.
- Không xem biến đổi khí hậu chỉ là nguy cơ trong tương lai, bởi tác động của biến đổi khí hậu đã hiện hữu, trực tiếp và ngày càng nghiêm trọng.
- Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và mỗi người dân; là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người dân.

V- TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH, CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ NHÂN DÂN

- Đối với cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp: quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 35-CTr/TU thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu; bố trí nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá bằng kết quả, sản phẩm cụ thể.

- Đối với cán bộ, đảng viên: gương mẫu thực hiện và vận động gia đình, cộng đồng thực hành lối sống xanh, tiêu dùng bền vững, phân loại chất thải tại nguồn, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; kịp thời phát hiện, phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

- Đối với cộng đồng doanh nghiệp: nâng cao trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ pháp lý trong bảo vệ môi trường; đầu tư đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; thực hiện nghiêm quy định về quan trắc, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; chủ động chuyển đổi xanh, tham gia kinh tế tuần hoàn.

- Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng: đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia các phong trào bảo vệ môi trường; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật.

- Đối với các cơ quan báo chí, truyền thông: tuyên truyền thường xuyên, chính xác, kịp thời, có tính định hướng; biểu dương mô hình hay, cách làm hiệu quả; phê phán hành vi vi phạm; đấu tranh, phản bác thông tin sai sự thật, xuyên tạc lợi dụng vấn đề môi trường, khí hậu, thiên tai để kích động, chống phá.

- Đối với mỗi người dân: thực hành phân loại chất thải tại nguồn, giảm chất thải nhựa, tiết kiệm điện, nước, sử dụng hiệu quả tài nguyên; giữ gìn vệ sinh môi trường nơi cư trú; tích cực trồng cây xanh; chủ động nắm bắt thông tin dự báo, cảnh báo và kỹ năng phòng, tránh, ứng phó thiên tai; giám sát và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

VI- MỘT SỐ KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN

1. Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi doanh nghiệp và mỗi người dân!
2. Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần!
3. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường sống của Nhân dân!
4. Chuyển đổi xanh - động lực phát triển nhanh và bền vững của thành phố Hải Phòng!
5. Phân loại chất thải tại nguồn, giảm chất thải nhựa vì môi trường trong lành!
6. Tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên vì tương lai bền vững!
7. Chủ động phòng, chống thiên tai - bảo vệ tính mạng, tài sản và sinh kế của Nhân dân!
8. Toàn dân chung sức xây dựng Hải Phòng xanh - sạch - an toàn - đáng sống!

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN THÀNH ỦY